

**CÔNG TY CỔ PHẦN SHINGI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SHINGI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHINGI VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SGVN.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110546225

**3. Ngày thành lập:** 17/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng R08, Tầng 5, số 82 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 091.597.8978

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;<br>- Bán buôn thủy sản;<br>- Bán buôn rau, quả;<br>- Bán buôn chè, cà phê;<br>- Bán buôn đường sữa bánh kẹo, ngũ cốc, tinh bột;<br>- Bán buôn thực phẩm khác;<br>- Bán buôn thực phẩm chức năng | 4632        |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                   | 8230(Chính) |
| 3.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                       | 6201        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Tư vấn, phát triển, thiết kế trang web; Sản xuất, tư vấn, phát triển, mua bán phần mềm tin học; Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến                                           | 6209        |
| 5.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp trực tuyến phần mềm;<br>- Dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng                                                                                                                                  | 6311        |
| 6.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Ngoại trừ hoạt động tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)                                                                                                                     | 6619        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6810 |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản (Mục 2 Chương IV Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014);<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Mục 3 Chương IV Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014);<br>- Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản (Mục 4 Chương IV Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014).                                                                                                                                                                                                                              | 6820 |
| 9.  | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (Điều 101 Luật Quản lý thuế năm 2019)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6920 |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn thủ tục xin cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài tại Việt Nam, tư vấn thủ tục xin cấp Thẻ tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam, tư vấn thủ tục xin cấp Giấy phép thành lập doanh nghiệp. Tư vấn các thủ tục liên quan đến hoạt động thành lập doanh nghiệp bao gồm: chuẩn bị tài liệu, thống nhất văn bản, chuẩn bị tài liệu về bản quyền, quyền tác giả, văn bằng. Tư vấn hoạt động kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý (Trừ tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý theo quy định của Luật Luật sư) | 7020 |
| 11. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 12. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7320 |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế đồ họa, thiết kế nền cho game                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410 |
| 14. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết:<br>- Chụp ảnh chân dung cho đám cưới;<br>- Dịch vụ rửa, khôi phục lại hoặc sửa lại ảnh cưới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7420 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5229 |
| 16. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5510 |
| 17. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5590 |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất phần mềm, xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như hệ thống điều hành, kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi hỗ trợ máy vi tính, phần mềm máy vi tính;<br>- Kinh doanh trò chơi điện tử; kinh doanh và phát hành trò chơi trực tuyến; xuất bản và phát hành các trò chơi điện tử trực tuyến | 5820 |
| 20. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video                                                                                                                                                                                                                                 | 5913 |
| 21. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm                                                                                                                                                                                         | 7810 |
| 22. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8121 |
| 23. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8129 |
| 24. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8130 |
| 25. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8211 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHAN HUY<br>PHONG | Phòng 2 ngõ 9<br>ngách 14 hẻm 6<br>phố Lương Định<br>Của, Phường Kim<br>Liên, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       | 0010810284<br>42                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                              | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VÕ KIM<br>THÀNH   | 41/17 Đặng Thùy<br>Trâm, tổ 09,<br>Phường Hoà<br>Thuận Tây, Quận<br>Hải Châu, Thành<br>phố Đà Nẵng,<br>Việt Nam              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       | 0400560063<br>96                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                              | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                        |                           |         |               |        |              |
|---|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN ĐÌNH BÌNH | Số 27 Nguyễn Tri Phương, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 50,000 | 049055006137 |
|   |                  |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                        | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 50,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: SUZUKI NIN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 14/04/1984

Dân tộc: Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TS5299917

Ngày cấp: 03/02/2020

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: Số 29-7 phố Sanjino, Minami, Hamamatsu, Shizuoka, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: Phòng R08, Tầng 5, số 82 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

\* Họ và tên: PHAN HUY PHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 08/03/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001081028442

Ngày cấp: 08/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: P3 - D2, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 2 ngõ 9 ngách 14 hẻm 6 phố Lương Định Của, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội